

Công khai tài chính ngày 05/5/2026

STT	Tên thực phẩm	Khu Trung Tâm			Khu Lễ		
		Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
	97 Xuất X 20.000 = 1.940.000			71 Xuất x 20.000 = 1.420.000			
1	Chuối tiêu	9.7	23,000	223,100	7.1	23,000	163,300
2	Cá chép	1.2	75,000	90,000	0.6	75,000	45,000
3	Miến dong	1.6	68,000	108,800	1.3	68,000	88,400
4	Rau ngót	2.5	48,000	120,000	1.9	48,000	91,200
5	Thịt lợn	3.9	145,000	565,500	2.8	145,000	406,000
6	Tôm biển	1	335,000	335,000	0.7	335,000	234,500
7	Xương sườn lợn	1.5	130,000	195,000	1.3	130,000	169,000
8	Hành lá	0.1	40,000	4,000	0.1	40,000	4,000
9	Rau mùi	0.1	35,000	3,500	0.1	35,000	3,500
10	Gừng khô	0.1	32,000	3,200	0.1	32,000	3,200
11	Hành khô	0.1	32,000	3,200	0.1	32,000	3,200
12	Gas+NRB	97	1,100	106,700	71	1,100	78,100
13	Gạo tẻ BC	7.5	20,000	150,000	5.5	20,000	110,000
14	Nước mắm	0.2	25,000	5,000	0.1	25,000	2,500
15	Muối BC	0.2	23,000	4,600	0.1	23,000	2,300
16	Dầu ăn Netur 5L	0.3	75,000	22,400	0.21	75,000	15,800
	Tổng			1,940,000			1,420,000